

Số: 185/2017/QĐST-HNGĐ

Yên Bái, ngày 11 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 234/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Đoàn Duy C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Phường Nguyễn N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Tuyết N và anh Đoàn Duy C.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị Tuyết N và anh Đoàn Duy C có 01 con chung là cháu Đoàn Kim D, sinh ngày 29/7/2008. Anh chị thỏa thuận, chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Anh Đoàn Duy C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh C chưa thi hành, thì hàng tháng anh C còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết N phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp tại biên lai thu số AA/2013/06238 ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (chị N đã nộp đủ). Anh Đoàn Duy C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30- Luật thi hành án dân sự ”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- Dương sự;
- VKS, THA thành phố Yên Bái;
- UBND thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên;
- Lưu: HS; TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Tuyền